TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HS-ST
Ngày 18-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thắng;

- Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

- Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông Lê Long B - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm (trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng) và điểm cầu thành phần (Trại tạm giam số 01, Công an thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 30/2026/TLST- HS ngày 05 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn V (tên gọi khác Đỗ Đức V), sinh ngày 11/01/1982 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn N, xã A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K, sinh năm 1962 và bà Đào Thị H, sinh năm 1960; có vợ là Phạm Thị Đ (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2006; tiền sự: Không.

Nhân thân (đều đã được xoá án tích): Bản án số 01/HSST ngày 05/01/2001, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 04/HSST ngày 09/3/2004, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 06/HSST ngày 30/3/2004, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, xử phạt 06 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam giữ; Bản án số 16/HSST ngày 20/3/2007, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 90/HSST

ngày 12/12/2008, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền án (đều chưa được xoá án tích): Bản án số 142/HSPT ngày 09/11/2012, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 39/HSST ngày 25/9/2013, Toà án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 09 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, tổng hợp hình phạt còn lại là 19 tháng tù chưa thi hành của Bản án số 142/HSPT ngày 09/11/2012, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm 07 tháng tù.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2026/HSST ngày 28/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2025. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01, Công an thành phố H; có mặt.

2. Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/6/1987 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn L, xã A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc K1, đã chết và bà Vũ Thị T1, sinh năm 1966; có vợ là Văn Ngọc L (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2013; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Nhân thân (đều đã được xóa án tích): Bản án số 52/HSST ngày 25/10/2016, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 29/HSST ngày 19/7/2019, Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 22/10/2025, bị cáo bị Cơ quan điều tra tạm giam tại Trại tạm giam số 01, Công an thành phố H về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, xảy ra tại xã A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lương Đức T2, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn C, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 21/7/2025, Đỗ Văn V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 16R-4851 đến nhà Nguyễn Thanh T chơi. V rủ T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền, T đồng ý bảo V trước cửa nhà ông Lương Đức T2 có cây tùng la hán xuống đó lấy. Khoảng 01 giờ ngày 22/7/2025, T đưa cho V 01 kìm kim loại rồi điều khiển xe mô tô BKS 16R-4851 chở V đến nhà ông T2, tới nơi T dừng xe để V cầm kìm cắt sợi dây cáp buộc cây, nhổ chiếc mai dùng để chống cây rồi cả hai đào đất xung quanh chậu. Nhổ được cây lên, T chở V ngồi sau ôm cây mang về nhà T. Đến 05 giờ cùng ngày T điều khiển xe mô tô chở V kéo theo xe ba bánh mang cây đi bán. Khi đi đến tổ dân phố L, phường H thì bị lực lượng Công an phường H kiểm tra, cả hai khai

cây vừa trộm cắp được và đang mang đi bán. Công an phường H đã lập biên bản vụ việc, thu giữ 01 cây Tùng la hán; 01 xe mô tô 16R8-4851; 01 xe kéo ba bánh.

Ngày 22/7/2025, Công an xã A nhận được đơn trình báo của ông Lương Đức T2 về việc bị mất 01 cây tùng la hán và giao nộp 03 đoạn dây cáp mỗi đoạn dài 03m; 01 chiếc mai bằng kim loại. Cùng ngày T đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi A2+ (đã qua sử dụng).

Kết luận định giá tài sản số 131/KL-HDĐGTS ngày 12/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố H, kết luận: 01 cây tùng la hán có đặc điểm chiều cao cây tính từ mặt chậu 140cm, chiều rộng tán 40cm, vanh gốc 40cm, dáng trực. Tình trạng tài sản cây đã được uốn tạo thế, tháo sạch dây nhôm, cành, gốc cây bị gẫy một số chỗ trị giá 7.817.000 đồng.

Quá trình điều tra ông Lương Đức T2 trình bày: Ông đã nhận lại các tài sản là 01 cây tùng la hán, 01 chiếc mai, 03 đoạn dây cáp. Ông không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự.

Bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 03/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng đã truy tố: Nguyễn Thanh T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Đỗ Văn V về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Các bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật. Tài sản trộm cắp đã được cơ quan điều tra trả lại cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử các bị cáo mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, làm công dân tốt.

Bị hại vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa.

Kiểm sát viên khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn V 03 năm 06 tháng đến 4 năm tù; cộng với 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2026/HSST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng. Buộc Đỗ Văn V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/9/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T 18 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường dân sự nên đề nghị không xem xét.

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên thu thập đã đầy đủ và theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về người tham gia tố tụng: Bị hại là ông Lương Đức T2 vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại đã có lời khai tại Cơ quan điều tra nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại.

- Về tội danh và hình phạt:

[4] Lời khai của các bị cáo Đỗ Văn V và Nguyễn Thanh T tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 01 giờ ngày 22/7/2025, tại thôn C, xã A, thành phố Hải Phòng, Đỗ Văn V và Nguyễn Thanh T đã lén lút chiếm đoạt 01 cây T la hán trị giá 7.817.000 đồng của ông Lương Đức T2.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự; nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự nên việc xét xử đối với các bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo, đồng thời có tác dụng

răn đe phòng ngừa tội phạm. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ.

[6] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo T có hành vi trộm cắp tài sản trị giá 7.817.000 đồng là vi phạm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo V đồng phạm tội trộm cắp tài sản với bị cáo T và có 02 tiền án đều chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là "Tái phạm nguy hiểm" được quy định là tình tiết định khung hình phạt theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò: Trong vụ án này, các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn; không có sự câu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm cụ thể. Bị cáo V là người khởi xướng, dùng xe mô tô thuộc quyền quản lý của mình cùng với T đi trộm cắp tài sản; bị cáo T chuẩn bị kìm kim loại, điều khiển xe mô tô chở V và cùng với V trộm cắp tài sản của nhà ông T2 mang đi bán. Như vậy, vai trò của hai bị cáo là ngang nhau.

[8] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều có nhiều tiền án, mặc dù đã được xoá án tích nhưng thể hiện các bị cáo có nhân thân rất xấu, không có ý thức sửa chữa sai lầm, coi thường pháp luật.

Do bị cáo Đỗ Văn V thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản ngày 21/7/2025, trước thời điểm bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2026/HSST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng nên bị cáo không thuộc trường hợp phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo tự thú; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Xét các căn cứ quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử cho rằng cần áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đảm bảo giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung; đồng thời xử phạt ở mức cao nhất theo mức án mà Kiểm sát viên tại phiên toà đã đề nghị đối với các bị cáo là thỏa đáng.

[10] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2026/HSST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng xử phạt bị cáo Đỗ Văn V 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2025. Vì vậy, sau khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Đỗ Văn V về tội Trộm cắp tài sản trong vụ án này, Hội đồng xét xử sẽ cộng lại thành hình phạt chung; thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[11] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, tài liệu xác minh thể hiện các bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Lương Đức T2 01 cây T la hán, 01 chiếc mai và 03 đoạn dây cáp; trả lại cho bà Vũ Thị T1 (mẹ đẻ của bị cáo T) 01 xe kéo ba bánh và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi A2+ đã qua sử dụng; trả lại cho ông Hoàng Văn H1 (bạn của bị cáo V) 01 xe mô tô BKS 16R-4851, là đúng quy định pháp luật. Đối với chiếc kìm kim loại dài khoảng 50cm, bị cáo T đã làm rơi trên đường về nhà, Cơ quan điều tra đã truy tìm không thu hồi được nên không xem xét.

[14] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn V và Nguyễn Thanh T đồng phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Đỗ Văn V 04 (Bốn) năm tù; cộng với 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2026/HSST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng. Buộc bị cáo Đỗ Văn V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (B1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù (của các bản án) được tính từ ngày 18/9/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thanh T 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đỗ Văn V và Nguyễn Thanh T.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, buộc Đỗ Văn V và Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Đỗ Văn V và Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại là ông Lương Đức T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2-Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1-CATP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV06);
- Cơ quan THAHS-CATP Hải Phòng (PC10);
- UBND (xã, phường, đặc khu) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thắng **Vũ Văn Thôn** **Nguyễn Thanh Tùng**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

Hoàng Văn Đ1 **Đoàn Văn N**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thế Sự **Đỗ Thị Viện** **Nguyễn Thanh Tùng**

cho bị cáo được hưởng án thấp nhấp, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16. Mặc dù giữa bị cáo và bị hại có tình cảm nam nữ, việc quan hệ tình dục là sự đồng thuận của cả hai bên. Tuy nhiên, bị hại là người chưa đủ 16 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên hành vi quan hệ tình dục tự nguyện này là trái pháp luật và bị nghiêm cấm. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm.